

Điều 4. — Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân trước Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng về hoạt động của Bộ.

Bộ trưởng lãnh đạo Bộ theo chế độ thủ trưởng, giúp việc Bộ trưởng có một số thứ trưởng, trong đó có một thứ trưởng thứ nhất.

Điều 5. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, các văn bản trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 ban hành Quy chế cho thuê nhà và thuê lao động đối với người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981 ;

Đề quản lý thống nhất việc cho người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam thuê nhà, thuê lao động của nước ta ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế về cho thuê nhà và thuê lao động đối với người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam.

Điều 2. — Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành ; những quy định trước đây của các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân địa phương trái với bản Quy chế này đều bãi bỏ.

Các Bộ Nội vụ, Quốc phòng, Xây dựng, Tài chính, Lao động — Thương binh và xã hội có trách nhiệm xây dựng các quy định quản lý cụ thể có liên quan và hướng dẫn thi hành Quy chế này.

Điều 3. — Các đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

QUY CHẾ

cho thuê nhà , thuê lao động đối với người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Các cơ quan Nhà nước, đoàn thể quần chúng, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và tư nhân có nhà (sau đây gọi tắt là người có nhà cho thuê) theo quy định của Quy chế này thì có thể cho người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là người nước ngoài) lưu trú tại Việt Nam thuê nhà để ở và làm việc.

Những người không có quốc tịch Việt Nam thì không được cho thuê nhà tại Việt Nam.

Bộ Xây dựng căn lập quy hoạch, kế hoạch xây nhà tại một số thành phố và trung tâm kinh tế lớn để cho thuê. Trước mắt, Bộ Xây dựng bàn với các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương dành một số nhà của Nhà nước do Bộ hoặc địa phương quản lý để đáp ứng nhu cầu thuê nhà của người nước ngoài lưu trú tại Việt Nam, ngoài nhà của tư nhân hoặc cơ quan, đoàn thể nói trong Quy chế này.

2. Công dân Việt Nam thuộc phạm vi quy định của Quy chế này có thể được làm đại diện hoặc làm công cho người nước ngoài tại Việt Nam.

Các tổ chức nước ngoài và cá nhân người nước ngoài lưu trú tại Việt Nam phải làm đầy đủ các thủ tục với cơ quan quản lý để tuyển dụng người Việt Nam làm đại diện hoặc làm công cho mình.

3. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban Nhân dân tỉnh) là cơ quan quản lý và có thẩm quyền cấp giấy phép về thuê nhà, thuê lao động theo quy định của Quy chế này.

B. CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THUÊ NHÀ

1. Căn nhà hoặc phòng cho người nước ngoài thuê:

— Phải nằm ngoài khu vực cần bảo vệ quốc phòng do Bộ Quốc phòng quy định và ngoài khu vực cần bảo vệ an ninh do Bộ Nội vụ quy định.

— Phải bảo đảm an toàn về mặt cấu trúc.

— Phải thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của người cho thuê.

2. Người có nhà cho thuê:

— Các công ty, xí nghiệp quốc doanh chuyên doanh nhà đất.

— Người có quốc tịch Việt Nam, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân theo pháp luật, không phạm tội hình sự nghiêm trọng, nếu phạm tội khác thì đã được xóa án.

— Cán bộ, công nhân viên tại chức và sĩ quan, hạ sĩ quan tại ngũ không trực tiếp làm công tác cơ mật.

— Những người được các cơ quan, đoàn thể cấp nhà hoặc đang sử dụng nhà không thuộc quyền sở hữu của mình thì không được cho thuê lại, trừ trường hợp có sự thỏa thuận bằng văn bản của chủ sở hữu căn nhà đó.

— Các cơ quan Nhà nước, đoàn thể quần chúng, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội không được cho thuê trụ sở mà Nhà nước giao cho cơ quan, đơn vị sử dụng.

3. Người thuê nhà:

— Phải có giấy phép đặt Văn phòng đại diện do Bộ Thương nghiệp Việt Nam cấp hoặc giấy phép tạm trú tại Việt Nam do Bộ Nội vụ Việt Nam cấp.

— Phải cam kết sử dụng đúng mục đích, thực hiện đúng những quy định về hợp đồng thuê nhà.

4. Thủ tục và trình tự cho thuê nhà:

Để giảm tối đa các thủ tục gây phiền hà cho người nước ngoài có yêu cầu thuê nhà, đồng thời bảo đảm sự quản lý cần thiết của các cơ quan chức năng, nay quy

định người có nhà cho thuê (kể cả các tổ chức quốc doanh) làm đầu mối giao dịch, lo các thủ tục với các cơ quan chức năng giúp cho người thuê nhà. Thủ tục và trình tự như sau:

a) Người có nhà cho thuê phải lập hồ sơ gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh, gồm:

— Đơn xin phép theo mẫu thống nhất do Bộ Nội vụ quy định.

— Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban Nhân dân phường, xã nơi cư trú.

— Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà hoặc quyền sử dụng hợp pháp căn nhà hoặc phòng cho thuê. Nếu nhà thuộc sở hữu tập thể thì phải có giấy xác nhận, đồng ý của cơ quan sở hữu nhà.

Ủy ban Nhân dân tỉnh giao trách nhiệm cho các cơ quan chức năng thẩm tra, xem xét nếu đủ tiêu chuẩn và điều kiện thì cấp giấy phép cho thuê nhà theo mẫu thống nhất do Bộ Xây dựng quy định. Thời hạn xem xét, cấp giấy phép là 60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

b) Người thuê nhà phải có các văn bản sau đây để gửi cho Ủy ban Nhân dân tỉnh:

— Đơn xin thuê nhà nói rõ yêu cầu căn nhà hoặc phòng cần thuê, mục đích và thời gian sử dụng và những cam kết cần thiết.

— Bản sao (chụp) giấy phép đặt Văn phòng đại diện hoặc tạm trú tại Việt Nam.

c) Hợp đồng thuê nhà:

— Làm theo mẫu thống nhất do Bộ Xây dựng quy định, bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, cả hai bản đều có giá trị như nhau.

— Phải có xác nhận của Ủy ban Nhân dân tỉnh thì hợp đồng thuê nhà mới hợp lệ.

— Phải đưa tới cơ quan công chứng Nhà nước để làm chứng thư.

d) Người có nhà cho thuê, sau khi có giấy phép cho thuê nhà và ký hợp đồng thuê nhà với người nước ngoài phải đăng ký ngay với các cơ quan:

— Tài chính hoặc thuế vụ tại địa phương để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo pháp luật.

— Ngân hàng ngoại thương nơi gần nhất để thực hiện Quy chế quản lý ngoại hối của Nhà nước.

C. CÔNG DÂN VIỆT NAM LÀM ĐẠI DIỆN HOẶC LÀM CÔNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1. Người có thể được làm đại diện hoặc làm công cho người nước ngoài.

— Người có quốc tịch Việt Nam, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân theo pháp luật, không phạm tội hình sự nghiêm trọng, nếu phạm tội khác thì đã được xóa án.

— Cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan, đoàn thể đang tại chức và sĩ quan, hạ sĩ quan trong các lực lượng vũ trang đang tại ngũ không được làm đại diện, làm công cho người nước ngoài. Trường hợp do cơ quan, đoàn thể và đơn vị giới thiệu làm đại diện hoặc làm công cho người nước ngoài, thì không kiêm nhiệm công việc của cơ quan, đoàn thể và đơn vị lực lượng vũ trang.

— Những người trước là cán bộ, công nhân viên, sĩ quan, hạ sĩ quan trực tiếp làm công tác cơ mật đã nghỉ hưu, giải ngũ phải được cơ quan, đơn vị cũ đồng ý.

2. Thủ tục giải quyết việc làm đại diện hoặc làm công cho người nước ngoài:

Người đủ tiêu chuẩn làm đại diện hoặc làm công cho người nước ngoài phải làm đơn gửi cơ quan công an cấp tỉnh, thành phố, đặc khu. Đơn làm theo mẫu thống

nhất do Bộ Nội vụ quy định, kèm theo lý lịch có xác nhận của Ủy ban Nhân dân phường, xã nơi cư trú và các bản sao văn bằng, chứng chỉ cần thiết.

Cơ quan công an cấp tỉnh, thành phố, đặc khu chịu trách nhiệm xem xét, quản lý người làm đại diện hoặc làm công cho người nước ngoài.

Trình tự xem xét, cấp giấy phép và đăng ký với các cơ quan tài chính, ngân hàng tại địa phương thực hiện theo quy định tại điểm 4, mục B Quy chế này.

Thủ tục ký hợp đồng lao động thực hiện theo chương III Quy chế lao động đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 233-HĐBT ngày 22 tháng 6 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

D. XỬ LÝ CÁC VI PHẠM

Những cơ quan, tổ chức và cá nhân cho thuê nhà, nhận làm công đối với người nước ngoài mà không có giấy phép kinh doanh, không đăng ký với các cơ quan quản lý liên quan tại địa phương, không thực hiện đúng nội dung hoạt động ghi trên giấy phép và hợp đồng thuê mướn thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý:

— Phạt hành chính: cảnh cáo, phạt tiền, trưng thu, tịch thu tang vật, đình chỉ kinh doanh có thời hạn, thu hồi giấy phép kinh doanh hoặc hủy hợp đồng thuê mướn.

— Truy tố trước tòa án.

Người nước ngoài thuê nhà và thuê người làm công mà không theo đúng các quy định trong Quy chế này cũng sẽ bị xem xét, xử phạt tiền, và tùy mức độ, có thể bị thu hồi giấy phép đặt Văn phòng Đại diện hoặc giấy phép tạm trú.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 390 - HĐBT ngày 10-11-1990 quy định sửa đổi điều 9 và điều 11 Nghị định số 52-HĐBT ngày 27-5-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế nông nghiệp ngày 25-2-1983 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh thuế nông nghiệp ngày 30-1-1989.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh thuế nông nghiệp ngày 25 tháng 2 năm 1983 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh thuế nông nghiệp ngày 30 tháng 1 năm 1989 của Hội đồng Nhà nước, và Nghị định số 52-HĐBT ngày 27 tháng 5 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế nông nghiệp và bổ sung Pháp lệnh thuế nông nghiệp;

Căn cứ đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Điều 9 Nghị định số 52-HĐBT ngày 27 tháng 5 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định: « năm thuế nông nghiệp tính từ ngày 1 tháng 10 năm nay đến 30 tháng 9 năm sau đối với các tỉnh từ Bình Trị Thiên trở ra và từ ngày 1 tháng 12 năm nay đến 30 tháng 11 năm sau đối với các tỉnh từ Quảng Nam — Đà Nẵng trở vào ».

Nay sửa lại như sau: « năm thuế nông nghiệp tính từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 hàng năm và thống nhất trong phạm vi cả nước ».